

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2021/HNGĐ-ST

Ngày 23-9-2021

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Tuyến

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 23 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 254/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Nhật M, nơi cư trú: Số nhà 821, phố Nguyễn Văn L, phường VN, quận LC, thành phố Hải Phòng.

- *Bị đơn:* Anh Hà Văn T, nơi cư trú: 146 O, O1, Canada.

Các đương sự đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai của nguyên đơn chị Trần Nhật M và đơn ly hôn của bị đơn anh Hà Văn T (đã được hợp pháp hóa lãnh sự) thống nhất trình bày:*

Chị Trần Nhật M và anh Hà Văn T xây dựng gia đình với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thành phố Hải Phòng vào ngày 05/9/2011. Quá trình chung sống của vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì anh Thành phải sang Canada, chị M ở Việt Nam sinh sống. Từ đó, vợ chồng ít liên lạc quan tâm đến nhau nên mâu thuẫn vợ chồng phát sinh. Anh Thành không có khả năng bảo lãnh cho chị M sang Canada để vợ chồng đoàn tụ, chị M không có điều kiện sang

thăm anh Thành. Mặt khác, vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong gia đình. Anh chị đã cố gắng hòa hợp để xây dựng hạnh phúc gia đình song mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải song không đạt kết quả. Nay chị M và anh Thành đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn càng sớm càng tốt để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị Trần Nhật M và anh Hà Văn T đều xác nhận không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Trần Nhật M và anh Hà Văn T đều xác nhận không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị M và anh Thành đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, anh chị giữ nguyên yêu cầu như trong đơn khởi kiện, bản tự khai và không có sự thay đổi nội dung nào khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp về việc ly hôn. Bị đơn anh Hà Văn T hiện nay đang sinh sống tại nước ngoài (Canada), nguyên đơn chị Trần Nhật M hiện nay đang sinh sống tại thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đều vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện: Chị Trần Nhật M và anh Hà Văn T xây dựng gia đình với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thành phố Hải Phòng vào ngày 05/9/2011, theo quy định tại Điều 9; Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng thể hiện: Vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì anh Thành phải sang Canada, chị M ở Việt Nam sinh sống. Chính vì sự xa cách về địa lý nên việc liên lạc, quan tâm đến đời sống của nhau bị hạn chế. Mặt khác, anh Thành không có khả năng bảo lãnh cho chị M sang Canada để vợ chồng đoàn tụ, chị M không có điều kiện sang thăm anh Thành. Trên thực tế, anh chị đã sống ly thân và không có đời sống chung trong một thời gian dài. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Nhật M và anh Hà Văn T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục, cần áp dụng

Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị ly hôn của chị M và anh Thành.

[4] Về con chung: Chị Trần Nhật M và anh Hà Văn T đều xác nhận không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Trần Nhật M và anh Hà Văn T đều xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Nhật M là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

**Căn cứ khoản 3 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;**

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Nhật M:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Nhật M được ly hôn anh Hà Văn T.
2. Về con chung: Chị Trần Nhật M và anh Hà Văn T không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.
3. Về tài sản chung: Chị Trần Nhật M và anh Hà Văn T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.
4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Nhật M phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số 0019932 ngày 23 tháng 8 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng . Chị Trần Nhật M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Trần Nhật M (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Anh Hà Văn T (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Xuân Tuyến**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Biên Nguyễn Thị Mai Vinh**

**Phạm Văn Phích**

